TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2021/HS-ST
Ngày 28-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 146/2021/TLST-HS ngày 01-10-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-HS ngày 18-11-2021, Quyết định số 18/2021/HSST-QĐ ngày 03-12-2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 52/TB-TA ngày 23-12-2021 đối với bị cáo:

Phạm Thanh S (tên gọi khác: S), sinh ngày 10-3-1993 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1960; con bà Đỗ Hồng A, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Lê Thị Y, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Đỗ Hồng A, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ A, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh S là hàng xóm của anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1986, ở tại tổ A, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Vào sáng ngày 21/10/2020, khi S đang ở nhà Nguyễn Hoài T (sinh năm 1993, địa chỉ tại khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) thì T rủ S đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. S đồng ý, T lấy trong gầm giường 01 chiếc xà beng kim loại và lấy 01 đôi găng tay vải mang theo. S điều khiển xe mô tô Honda Dream (không rõ biển số) mượn của một người đàn ông tên D (chưa rõ lai lịch) chở T đến nhà anh D. Vào khoảng 11 giờ 00, khi đến đến nhà anh D, S giấu chiếc xe mô tô tại vườn mì phía sau rồi đứng ngoài cảnh giới. T đeo găng tay mang theo xà beng đột nhập vào nhà anh D từ phía cổng sau thì thấy trong nhà có gắn camera, T nói S đưa cho mình một đoạn cây gỗ để phá camera. Sau đó, T dùng xà beng phá khóa cửa sau nhà, đột nhập vào trong nhà lấy trộm được các tài sản gồm: 01 chiếc tivi hiệu Led LG 49 inch, 01 cục Modem Wifi, 01 cục Box tivi 4K và 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar Prime X1 Gold. T, S cất giấu chiếc tivi tại vườn mì nhà anh D, dùng xà beng đập vỡ bỏ cục Box tivi và cục Modem Wifi, đem xe trả cho D rồi cả hai đi về nhà T. Tại nhà T, T lấy trong túi quần đưa điện thoại trộm cắp được cho S sử dụng nhưng S không lấy; T rủ S chở đến lấy tivi, S không đi. Đến ngày 24/10/2020, T thú nhận sự việc với mẹ mình là bà Phạm Thị N, sinh năm 1960 rồi nhờ bà Nở đi cùng S đến nhà anh D để xin lỗi trả lại chiếc tivi và điện thoại. Anh D đã giữ lại chiếc điện thoại để sử dụng và yêu cầu S đem tivi đến giao nộp cho công an để điều tra xử lý theo quy định. Ngày 23/11/2020, S đến công an phường H, thị xã P đầu thú.

Tại Kết luận số 223/KL ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá Uỷ ban nhân dân thị xã P kết luận trị giá còn lại của các tài sản tính đến ngày 24/10/2020 như sau: 01 (một) tivi hiệu Led LG 49 inch trị giá 8.432.000 đồng; 01 (một) ĐTDĐ hiệu Mobiistar Prime X1 Gold trị giá 537.000 đồng; 01 (một) Modem Wifi hiệu GPON N300M của FPT trị giá 448.000 đồng và 01(một) 01 cục Box tivi 4K của FPT trị giá 770.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 10.187.800 đồng.

Quá trình điều tra, S đã khai nhận hành vi của bản thân và hành vi của Nguyễn Hoài T, chỉ dẫn hiện trường vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về bối cảnh, diễn biến sự việc; phù hợp với đặc điểm tài sản trộm cắp.

Đối với Nguyễn Hoài T, cơ quan điều tra đã khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam nhưng T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 22/7/2021, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã, khi nào truy bắt được sẽ phục hồi điều tra, xử lý sau theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản là 01 chiếc tivi hiệu LED LG và 01 chiếc điện thoại di động. 01 (một) cục MODEM WIFI hiệu GPON N300M của FPT, 01(một) cục BOX tivi hiệu BOX 4K của FPT đã bị đập vỡ vứt bỏ nên không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc xà beng, 01 đôi găng tay T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do T bỏ trốn nên không thu giữ được. Đối với chiếc xe mô tô S mượn của đối tượng D (không rõ lai lịch), đã trả xe nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Đỗ Hồng A đã bồi thường số tiền 20.000.000đ cho bị hại D. Ngày 23-12-2021, bà A và anh D đã thoả thuận lại mức bồi thường là 10.187.800đ theo kết luận định giá. Bị hại D đã trả lại cho bà A số tiền 9.800.000đ. Đối với số tiền đã bồi thường 10.187.800đ, bà A không yêu cầu bị cáo S phải trả lại. Bị hại D đã nhận số tiền bồi thường là 10.187.800đ, không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản cáo trạng số 160/CT-VKS ngày 20-8-2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố Phạm Thanh S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Thanh S từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên. Bị hại có đơn thay đổi ý kiến không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Phạm Thanh S phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 11 giờ ngày 21-10-2021, Phạm Thanh S và Nguyễn Hoài T đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn D 01 (một) tivi hiệu Led LG 49 inch; 01 (một) ĐTDĐ hiệu Mobiistar Prime X1 Gold; 01 (một) Modem Wifi hiệu GPON N300M của FPT và 01 (một) 01 cục Box tivi 4K của FPT với tổng giá trị là 10.187.800 đồng.

Do đó, hành vi của Phạm Thanh S thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[2.2] Về khung hình phạt: Tổng giá trị các tài sản chiếm đoạt là 10.187.800đ (mười triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, tám trăm đồng), hành vi phạm tội của Phạm Thanh S thuộc Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm:

Hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương.

Xét tính đồng phạm và vai trò của bị cáo, thấy: Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng giữa bị cáo và Nguyễn Hoài T không có sự cấu kết chặt chẽ khi thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong vụ án này, bị cáo S là người thực hành với vai trò không đáng kể, khi bị phát hiện, S đã cùng mẹ của Nguyễn Hoài T đem trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i, b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam mà bất chấp quy định của pháp luật để cố ý thực hiện tội phạm. Song xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự nên đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Về xử lý vật chứng: Bị hại D đã nhận lại tài sản là 01 ti vi theo Quyết định xử lý vật chứng số 52/QĐ-CQĐT-CSHS ngày 11-5-2021; bị cáo S đã trả lại 01 điện thoại cho anh D. Đối với 01 (một) cục MODEM WIFI hiệu GPON N300M của FPT, 01(một) cục BOX tivi hiệu BOX 4K của FPT đã bị đập vỡ vứt bỏ nên không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc xà beng, 01 đôi găng tay vải mà đối tượng T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nay T bỏ trốn nên không thu giữ được. Đối với chiếc

xe mô tô (chưa rõ biển số) S mượn của đối tượng D (không rõ lai lịch) và đã trả xe nên không thu giữ được.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Anh và anh D đã thoả thuận lại mức bồi thường là 10.187.800đ. Bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và đã trả lại cho bà Anh số tiền dư là 9.800.000đ. Bà Anh không yêu cầu bị cáo S phải trả lại tiền đã bồi thường; Bị hại D không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với Nguyễn Hoài T đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Phạm Thanh S (S) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, b, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Thanh S 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (PV06);
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Thị Huyền